

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hàng định chế độ, chế độ đãi ngộ và chế độ hưởng lương của nhân viên hàng hải nghiệp vụ
liên thông trên toàn quốc

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Hình phạt năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hình phạt năm 2005, Luật Thiêng miếu năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị quyết số 118/2008/N-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 189/2007/N-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 77/2009/N-CP ngày 15 tháng 09 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị quyết số 51/2010/N-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và Bộ Công an hướng dẫn chế độ, chế độ đãi ngộ và chế độ hưởng lương của nhân viên hàng hải nghiệp vụ liên thông trên toàn quốc như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn chế độ, chế độ đãi ngộ và chế độ hưởng lương nghiệp vụ liên thông trên toàn quốc bao gồm: hàng hải nghiệp vụ đang trên

ng v n chuy n; ang bày bán; t i kho, b n, bãi, t i c s s n xu t, kinh doanh hàng hoá nh p kh u ho c t i a i m khác (g i chung là hàng hoá nh p kh u); x lý vi ph m quy nh v hoá n, ch ng t i v i hàng hoá nh p kh u l u thông trên th tr ng; quy n, ngh a v , trách nhi m c a c quan, t ch c, cá nhân có liên quan.

2. Thông t này không áp d ng i v i:

a) Hàng hoá a t n c ngoài vào kho ngo i quan, kho b o thu ; vào các a i m làm th t c h i quan ch làm th t c h i quan theo quy nh c a pháp lu t h i quan (tr tr ng h p là hàng nh p l u); hàng hoá v n chuy n t kho ngo i quan này sang kho ngo i quan khác; hàng l u gi trong kho ngo i quan, kho b o thu ;

b) Hàng hoá t m nh p - tái xu t, hàng hoá t m xu t - tái nh p; hàng hoá nh p kh u th c hi n các đ án u t ;

c) Hàng hoá là nguyên li u, v t t nh p kh u th c hi n các h p ng gia công cho th ng nhân n c ngoài; các h p ng s n xu t hàng xu t kh u (tr tr ng h p quy nh t i kho n 4 i u 5 Thông t này);

d) Hàng hoá nh p kh u chuy n c a kh u; hàng hoá chuy n c ng; hàng quá c nh ang ch u s ki m tra, giám sát h i quan;

) Hàng hoá nh p kh u là tài s n c a c quan, n v hành chính s nghi p; hàng hoá mua bán, trao i c a c dân biên gi i trong nh m c mi n thu và thu c danh m c hàng hoá c s n xu t t các n c có chung biên gi i nh p kh u đ i hình th c mua, bán, trao i hàng hoá c dân biên gi i; hàng hoá là hành lý c a cá nhân trong nh m c mi n thu ;

e) Hàng hoá là quà bi u, quà t ng; hàng hoá vi n tr nhân o; hàng hoá là hàng m u không thanh toán; hàng hoá c a c quan i di n ngo i giao, t ch c qu c t t i Vi t Nam và các cá nhân làm vi c t i các c quan t ch c này; hàng hoá t m nh p kh u, t m xu t kh u c a cá nhân c Nhà n c cho mi n thu ; tài s n di chuy n c a t ch c, cá nhân.

H s , ch ng t i v i các tr ng h p này c quy nh t i Thông t s 194/2010/TT - BTC ngày 06 tháng 12 n m 2010 c a B Tài chính h ng đ n v th t c h i quan; ki m tra, giám sát h i quan; thu xu t kh u, thu nh p kh u và qu n lý thu i v i hàng hoá xu t kh u, nh p kh u (sau ây vi t t t là Thông t s 194/2010/TT - BTC); Thông t liên t ch s 01/2008/TTLT-BCT - BTC - BGTVT - BNN&PTNT - BYT - NHNN ngày 31 tháng 01 n m 2008 c a Liên B Công Th ng - Tài chính - Giao thông V n t i - Nông nghi p và Phát tri n nông thôn - Y t - Ngân hàng Nhà n c h ng đ n th c hi n Quy t nh s 254/2006/Q -TTg ngày 07 tháng 11 n m 2006 c a Th t ng Chính ph v qu n lý ho t ng th ng m i biên gi i v i các n c có chung biên gi i và các v n b n có liên quan.

i u 2. i t ng áp d ng

Thông t này áp d ng i v i:

1. T ch c, cá nhân tr c ti p nh p kh u hàng hoá ho c kinh doanh, mua, bán, v n chuy n hàng hoá nh p kh u (g i chung là c s kinh doanh hàng hoá nh p kh u).

2. C quan Thu , c quan Qu n lý th tr ng, c quan Công an, c quan H i quan và các n v , ng i có th m quy n ki m tra, x lý vi ph m i v i c s kinh doanh hàng hoá nh p kh u l u thông trên th tr ng.

3. T ch c, cá nhân khác có liên quan ch hoá n, ch ng t i v i hàng hoá nh p kh u l u thông trên th tr ng.

i u 3. Hoá n, ch ng t

1. Hoá n, ch ng t h p pháp là các lo i gi y t , tài li u ph i có theo quy nh c a pháp lu t ch ng minh tính h p pháp c a hàng hoá nh p kh u l u thông trên th tr ng và c h ng d n c th t i Ch ng II Thông t này.

2. C s kinh doanh hàng hoá nh p kh u có trách nhi m qu n lý, s d ng, l u gi các hoá n, ch ng t theo quy nh c a pháp lu t.

i u 4. Th i h n xu t trình hoá n, ch ng t

1. i v i hàng hoá nh p kh u trong các tr ng h p d i ây thì c s kinh doanh hàng hoá nh p kh u ph i xu t trình hoá n, ch ng t ch ng minh tính h p pháp c a hàng hoá ngay t i th i i m c quan ki m tra yêu c u xu t trình; tr ng h p c s kinh doanh hàng hóa nh p kh u không có i đi n tr c ti p áp t i hàng hóa thì ph i y quy n cho ng i nh n v n chuy n ho c ng i i u khi n ph ng ti n v n chuy n xu t trình:

a) Hàng hoá nh p kh u ang trên ng v n chuy n, bao g m c tr ng h p hàng hoá nh p kh u ang t i các a i m, kho, b n, bãi n u không thu c các tr ng h p quy nh t i kho n 2 i u này.

b) Hàng hoá nh p kh u thu c Danh m c hàng nh p kh u có i u ki n theo quy nh c a pháp lu t có liên quan.

2. i v i hàng hoá nh p kh u c a c s s n xu t, kinh doanh ang bày bán, t i kho, b n, bãi thu c quy n s h u ho c s d ng c a c s ó (trong tr ng h p c s kinh doanh kho, b n, bãi ã ng ký ho t ng kinh doanh v i c quan có th m quy n) thì trong th i h n 72 gi , k t th i i m ki m tra hàng hoá c a c s kinh doanh hàng hoá nh p kh u, ph i xu t trình hoá n, ch ng t ch ng minh tính h p pháp c a hàng hóa.

T i th i i m ki m tra, n u c s kinh doanh hàng hoá nh p kh u không xu t trình c hoá n, ch ng t ch ng minh tính h p pháp c a hàng hóa thì c quan ki m tra hàng hoá ó ti n hành t m gi hàng hóa xác minh tính h p pháp c a hàng hóa.

Trình hợp cụ thể hiện 72 giờ liên tục, kết thúc kiểm tra nêu trùng vào thời gian nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động thì việc xử lý trình hồ sơ thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ và cơ quan kiểm tra phải ghi rõ thời gian, địa điểm yêu cầu xử lý trình vào Biên bản kiểm tra.

3. Trình hợp các cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu xử lý trình yêu cầu thanh minh tính hợp pháp của hàng hóa nhập khẩu cơ quan kiểm tra có chức năng quản lý các hàng hóa nhập khẩu không hợp pháp thì cơ quan kiểm tra thực hiện việc chỉ định hồ sơ, xác minh nguồn gốc hàng hóa đó xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Điều 5. Quy định về hoá đơn, chứng từ và việc hàng hoá nhập khẩu vận chuyển nội địa làm thủ tục hải quan vào nội địa

1. Việc hàng hoá do các cơ sở kinh doanh trực tiếp nhập khẩu khi vận chuyển vào nội địa phải có các hoá đơn, chứng từ theo trình tự như sau:

a) Bên chính T khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan; trình hợp các cơ sở kinh doanh thực hiện khai hải quan nhập khẩu phải có T khai hải quan nhập khẩu đã xác nhận thông quan nhập khẩu thực hiện theo Thông tư số 222/2009/TT-BTC ngày 25 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn chi tiết thủ tục hải quan nhập khẩu của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là Thông tư số 222/2009/TT-BTC).

b) Trình hợp hàng hoá đã hoàn thành thủ tục hải quan của vận đơn, hoặc chuyển địa điểm làm thủ tục hải quan thì trên T khai hải quan phải có ý kiến chấp thuận của cơ quan Hải quan theo hướng dẫn tại Điều 25 Thông tư số 194/2010/TT-BTC. Trình hợp khai hải quan nhập khẩu thì thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 23, Điều 24 Thông tư số 222/2009/TT-BTC.

c) Trình hợp các cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hoá cần ký T khai hải quan mặt lãn theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan hoặc nhập khẩu hàng hoá phải vận chuyển nội địa, bằng nội địa phải vận chuyển thì phải có bản sao T khai hải quan hàng nhập khẩu và Lưu ý của các cơ sở kinh doanh hàng hoá nhập khẩu. Lưu ý phải ghi rõ số lần, chủng loại hàng hoá vận chuyển của T khai hải quan hàng hoá nhập khẩu, số, ngày, tháng, năm, nội dung, phương tiện vận chuyển, bên sản phẩm vận chuyển.

2. **Chỉ định hàng hóa trao đổi, mua, bán của các dân biên giới Việt Nam** : hàng hoá không có trong Danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu của Việt Nam có chung biên giới như khu vực hình thức mua, bán, trao đổi hàng hoá của dân biên giới; hàng hoá là hành lý cá nhân nhập cảnh vào Việt Nam vượt quá tiêu chuẩn miễn thuế thì phải khai hải quan và thực hiện các quy định của pháp luật về thuế, chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu. Khi vận chuyển hàng hoá này vào nội địa phải có biên chính T khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan và chứng từ nhập khẩu.

3. **Chỉ định hàng hoá buôn bán qua biên giới bao gồm:** hàng hoá nhập khẩu biên giới; hàng hoá đưa vào chế biến, chế tạo, chế biến trong khu kinh tế cửa khẩu thì phải có T khai hàng hoá nhập khẩu của cơ quan Hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan.

4. **Chỉ định hàng hoá là sản phẩm; nguyên, phụ liệu của các hộ gia đình công cho thuê nhân công ngoài nước các hộ gia đình nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu** được phép tiêu thụ thị trường Việt Nam thì hoá đơn, chứng từ thực hiện như sau:

a) Trường hợp các sản phẩm sản xuất, gia công hàng xuất khẩu vận chuyển, lưu kho và bày bán tại cửa hàng hạch toán phụ thu cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có biên sao T khai Hải quan hàng nhập khẩu và Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

b) Trường hợp các sản phẩm sản xuất, gia công hàng xuất khẩu vận chuyển, lưu kho và bày bán tại cửa hàng trực thuộc khác địa bàn hoặc cửa hàng trực thuộc cùng địa bàn hạch toán kế toán thì phải có biên sao T khai hải quan hàng nhập khẩu và Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ hoặc hoá đơn theo quy định.

c) Trường hợp các sản phẩm sản xuất, gia công hàng xuất khẩu bán cho các cơ sở kinh doanh khác thì phải có hoá đơn theo quy định.

5. **Chỉ định hàng hoá nhập khẩu là mặt hàng nhà nước quy định phải dán tem hàng nhập khẩu** thì ngoài các chứng từ áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể, các hàng hoá này phải có tem hàng nhập khẩu dán vào hàng hoá theo quy định.

6. **Chỉ định hàng hoá nhập khẩu thuộc Danh mục hàng nhập khẩu có kiểm soát ngoài các hoá đơn, chứng từ quy định** đối với hàng nhập khẩu còn phải kèm theo các giấy tờ theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp các giấy tờ theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền đã nộp cho cơ quan Hải quan ban hành chính thì phải có biên sao có xác nhận sao y bản chính của cơ sở kinh doanh hàng hoá nhập khẩu.

Điều 6. Quy định về hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá nhập khẩu lưu thông trong thị trường nội địa

1. **Chỉ định hàng hoá của các cơ sở kinh doanh trực tiếp nhập khẩu** khi bày bán tại các cửa hàng hoặc lưu kho thì phải có Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

(i v i tr ñ ng h p c a hàng h ch toán ph thu c cùng a bàn t nh, thành ph), Phi u xu t kho kiêm v n chuy n n i b ho c hoá ñ n (i v i tr ñ ng h p c a hàng h ch toán c l p ho c không cùng a bàn v i tr s chính), Phi u nh p kho (i v i tr ñ ng h p hàng hoá l u kho).

2. i v i hàng hoá nh p kh u c a c s kinh doanh không tr c ti p nh p kh u v n chuy n, bày bán ho c l u kho ph i có hoá ñ n, ch ñ ng t c a c s bán hàng theo h ñ ng d n t i M c IV, Ph n B Thông t s 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 n m 2008 c a B Tài chính h ñ ng d n thi hành Ngh ñ nh s 123/2008/N -CP ngày 08 tháng 12 n m 2008 c a Chính ph quy ñ nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Thu giá tr gia t ñ ng và quy ñ nh t i Ch ñ ng III Ngh ñ nh s 51/2010/N -CP ngày 14 tháng 5 n m 2010 c a Chính ph quy ñ nh v hoá ñ n bán hàng hoá, cung c p d ch v (sau ây vì t t t là Ngh ñ nh s 51/2010/N -CP).

3. Tr ñ ng h p c s kinh doanh i u chuy n hàng hoá nh p kh u cho các c s h ch toán ph thu c nh các chi nhánh, c a hàng, c a hi u ... ngoài t nh, thành ph tr c thu c trung ñ ng n i c s kinh doanh ó ó ng tr s ho c i u chuy n gi a các chi nhánh, ñ n v ph thu c; xu t tr hàng t ñ n v ph thu c v c s kinh doanh; xu t hàng i chào hàng; xu t hàng tham gia h i ch , tri n lãm thì ph i có hoá ñ n ho c Phi u xu t kho kiêm v n chuy n n i b kèm theo L ñ nh i u ñ ng.

4. i v i hàng hoá nh p kh u mua c a c quan có ch c n ñ ng bán hàng t ch thu thì ph i có hoá ñ n bán hàng c a c quan này, trong ó ghi rõ s l ñ ng, ch ñ ng lo i, giá tr t ñ ng lo i hàng hoá.

5. i v i hàng hoá nh p kh u mua c a c quan Đ tr qu c gia ph i có hoá ñ n bán hàng c a c quan Đ tr qu c gia.

6. i v i Hàng hoá là quà bi u, quà t ñ ng mi n thu ; hàng trao i trong ñ nh m c mi n thu c a c dân biên gi i thu c Danh m c hàng hoá c s n xu t t các n c có chung biên gi i nh p kh u đ i hình th c mua, bán, trao i hàng hoá c dân biên gi i; hàng hoá trong tiêu chu n hành lý c mi n thu ; hàng hoá mi n thu bán trong các khu kinh t c a kh u, n u thay i m c ích s đ ñ ng ho c em bán thì khi v n chuy n, bày bán, l u kho ngoài khu kinh t c a kh u, c s kinh doanh ph i có ch ñ ng t ch ñ ng minh hàng hoá ñ c kê khai, n p thu .

Ch ñ ng III

X LÝ VI PH M

i u 7. X ph t vi ph m hành chính

C s kinh doanh hàng hoá nh p kh u mua, bán, v n chuy n hàng hoá nh p kh u l u thông trên th tr ñ ng vì ph m các quy ñ nh v hoá ñ n, ch ñ ng t

t i Ch ng II Thông t này nh ng ch a n m c ph i truy c u trách nhi m hình s s b x ph t vi ph m hành chính nh sau:

1. C s kinh doanh hàng hoá nh p kh u vi ph m m t trong các tr ng h p sau ây thì hàng hóa nh p kh u b coi là hàng hoá nh p l u và b x ph t theo Ngh nh c a Chính ph quy nh v x ph t vi ph m hành chính trong ho t ng th ng m i, thu c lá, r u, bia:

a) Kinh doanh hàng hoá c m kinh doanh; hàng hoá c m nh p kh u; hàng hoá t m ng ng nh p kh u.

b) Kinh doanh hàng hoá nh p kh u quy nh ph i dán tem nh p kh u nh ng không có tem dán vào hàng hoá theo úng quy nh ho c có tem dán nh ng là tem gi , tem ã qua s d ng.

c) Kinh doanh hàng hoá nh p kh u thu c Danh m c hàng hoá nh p kh u có i u ki n quy nh t i kho n 6 i u 5 Ch ng II Thông t này mà không có gi y phép nh p kh u ho c gi y t c a c quan có th m quy n c p theo quy nh kèm theo hàng hoá.

d) Hàng hoá nh p kh u l u thông trên th tr ng không có hoá n, ch ng t ho c có hoá n, ch ng t nh ng qua i u tra, xác minh c a c quan ch c n ng xác nh là hoá n, ch ng t không h p pháp. Hóa n không h p pháp là hóa n s d ng theo các tr ng h p quy nh t i các kho n 8, kho n 9 i u 3 Ch ng I Ngh nh s 51/2010/N -CP.

) Hàng hóa nh p kh u ang trên ng v n chuy n; ang bày bán; t i kho, b n, bãi mà không xu t trình c các hóa n, ch ng t ch ng minh tính h p pháp trong th i h n quy nh t i i u 4 Thông t này.

2. i v i các hành vi vi ph m các quy nh v hoá n, ch ng t i v i hàng hoá nh p kh u, l u thông trên th tr ng không thu c quy nh t i kho n 1 i u này thì x ph t theo các Ngh nh quy nh v x ph t vi ph m hành chính trong l nh v c có liên quan.

3. Tr ng h p hàng hoá nh p kh u l u thông trên th tr ng không có ho c có nh ng không hoá n, ch ng t theo quy nh t i Ch ng II Thông t này do ho ho n, m t, h ng, rách và c s kinh doanh ã làm th t c khai báo theo quy nh t i Ngh nh s 51/2010/N -CP và các v n b n h ng d n thi hành; ng th i, c s kinh doanh ch ng minh c ngu n g c hàng hoá là h p pháp (thông qua vi c sao l i các ch ng t , hoá n t các n v phát hành) thì b x ph t theo quy nh t i Ngh nh s 51/2010/N -CP và b x lý truy thu thu theo quy nh c a pháp lu t v thu .

i u 8. Th m quy n x ph t vi ph m hành chính

1. Th m quy n x ph t vi ph m hành chính i v i hành vi vi ph m quy nh v hoá n, ch ng t i v i hàng hoá nh p kh u l u thông trên th tr ng th c hi n theo Pháp l nh X lý vi ph m hành chính và các Ngh nh c a Chính

ph quy nh v x ph t vi ph m hành chính trong ho t ng th ng m i, l nh v c thu ho c l nh v c h i quan.

Tr ng h p v t th m quy n ho c không thu c th m quy n x ph t thì ph i chuy n h s lên c quan c p trên ho c c quan có th m quy n x lý. Khi chuy n h s ph i th c hi n úng th t c và chuy n y tang v t, ph ng ti n b t m gi ho c b t ch thu (n u có); ng th i, thông báo cho t ch c, cá nhân vi ph m bi t. C quan có th m quy n x lý sau khi ra quy t nh x lý v vi ph m ph i thông báo k t qu x lý cho c quan chuy n h s .

2. Tr ng h p hàng hoá nh p kh u ang ch u s ki m tra, giám sát c a c quan H i quan thì c quan ch c n ng phát hi n hàng nh p l u l p biên b n, xác nh rõ hành vi vi ph m và chuy n cho c quan H i quan x lý theo quy nh c a pháp lu t v h i quan; tr ng h p phát hi n hàng nh p l u x y ra ngoài a bàn ho t ng c a h i quan thì c quan ch c n ng x lý theo th m quy n ho c chuy n c quan có th m quy n x lý.

Ch ng IV

T CH C TH CHI N

i u 9. Trách nhi m c a c quan ki m tra, x lý vi ph m

1. C quan Thu , c quan Qu n lý th tr ng, c quan Công an, c quan H i quan và các n v có th m quy n khi ki m tra, x lý vi ph m i v i c s kinh doanh hàng hoá nh p kh u l u thông trên th tr ng ph i th c hi n theo úng quy nh c a pháp lu t có liên quan.

2. Khi ki m tra hàng hoá l u thông trên th tr ng, c quan nhà n c, ng i có th m quy n ang thi hành công v ph i l p biên b n ki m tra, ghi rõ n i dung ki m tra, các sai ph m phát hi n qua ki m tra (n u có); l p Biên b n vi ph m hành chính i v i các tr ng h p phát hi n sai ph m.

3. Các l c l ng ki m tra ph i tuân th các quy nh v công tác ki m tra, ki m soát hàng hoá l u thông trên th tr ng và ch u trách nhi m tr c pháp lu t v ho t ng c a mình.

i u 10. Trách nhi m, quy n c a c s kinh doanh hàng hoá nh p kh u

1. C s kinh doanh hàng hoá nh p kh u có trách nhi m th c hi n úng, y ch hoá n, ch ng t i v i hàng hoá l u thông trên th tr ng quy nh t i Thông t này và các quy nh khác c a pháp lu t liên quan.

2. C s kinh doanh hàng hoá nh p kh u có quy n khi u n i, t cáo ho c kh i ki n hành chính v quy t nh x lý vi ph m hành chính. Cá nhân, t ch c có quy n t cáo hành vi trái pháp lu t c a ng i có th m quy n x lý. Trình t , th t c, th m quy n gi i quy t khi u n i, t cáo ho c kh i ki n hành chính th c hi n theo quy nh c a pháp lu t v . Khi u n i, t cáo và kh i ki n v án hành chính.

Trong khi chờ đợi quy tắc khi xử lý cáo buộc của Ủy ban, các cơ quan kinh doanh và nhân viên phải tuân theo đúng quy tắc của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

1. Cung cấp thông tin liên quan đến hàng hoá nhập khẩu để kiểm tra của các cơ quan hải quan.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng và các lực lượng kiểm tra trong việc kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về nhập khẩu hàng hoá và kinh doanh hàng hoá nhập khẩu.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2011, thay thế Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT-BTC-BTM-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Thương mại - Bộ Công an hướng dẫn chế độ nhập khẩu, chế độ nhập khẩu hàng hoá nhập khẩu thông qua thông tin trên thị trường.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc xin đề nghị các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an xem xét hướng dẫn sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**KT. BỘ TÀI CHÍNH
BỘ CÔNG AN
THỦ TƯỚNG**

**KT. BỘ TÀI CHÍNH
BỘ CÔNG THƯƠNG
THỦ TƯỚNG**

**KT. BỘ TÀI CHÍNH
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TƯỚNG**

ã ký

ã ký

ã ký

Phạm Quý Ng

Nguyễn Cẩm Tú

Hoàng Anh Tuấn

Nội dung:

- VP. TW và VP. Cục Hải quan, VP. Chi cục Hải quan;
- Tòa án NDTC, Viện KSNDTC;
- Các Bộ; Cơ quan ngành Bộ; Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VP. Ban chấp hành TW và phòng, chuyên tham mưu;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Các kiểm tra viên của QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; website Bộ Công Thương, website Bộ Tài chính;
- Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Công an, Cục Hải quan, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các nhân viên thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu VT: BTC, BCT, BCA.P.Anh

